TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16-4-2024
V/v: Tranh chấp *"Ly hôn"*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Văn Phú Vinh**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Trương Hồng Thắm**

Ông Phan Tấn Lãm

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Thanh** – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên toà: **Ông Đặng Hữu Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 22/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Mộng Thị Kim A**, sinh năm 2002; nơi cư trú: Tổ 3, ấp ĐB, xã TP, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (*có mặt*).

- Bị đơn: **Ông Lê Văn B**, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn 6B, xã BT, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*có đơn xin giải quyết vắng mặt*).

NỘI A VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 01 năm 2024, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Mộng Thị Kim A trình bày:

Bà Mộng Thị Kim A và ông Lê Văn B tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào ngày 13 tháng 4 năm 2021. Trong thời gian đầu chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng gần 02 năm, sau đó đến khoảng giữa năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, do đó thường xuyên cãi vã nhau và

không tìm được tiếng nói chung. Nay bà A xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc từ lâu không còn ai quan tâm đến ai, bà A và ông B đã sống ly thân với nhau mỗi người mỗi nơi từ giữa năm 2023 cho đến nay. Do đó, bà A yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập giải quyết được ly hôn với ông B.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không có yêu cầu.

Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 3 năm 2024 bị đơn ông Lê Văn B trình bày như sau:

Ông B thống nhất như lời trình bày của bà A về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Bà A về nhà mẹ đẻ chơi rồi không trở về nhà chồng nữa. Nay ông B và bà A đã sống ly thân, không còn ai quan tâm đến ai từ đầu năm 2023 cho đến nay. Do vậy, ông B cũng đồng ý ly hôn với bà A, tuy nhiên hiện nay ông đang đi làm ăn ở xa nên xin được giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung và nợ chung: Ông B không có yêu cầu.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa :

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đượng sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; 36; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà A.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Xác định đây là vụ án tranh chấp *"Ly hôn"* do bà A đứng đơn khởi kiện, bị đơn là ông B cư trú tại: Thôn 6B, xã BT, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; 36; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Bù Gia Mập.

[1.2] Về việc vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, ông B vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình thu thập chứng Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho ông B và ông cũng đã có Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai thể hiện rõ ý kiến của mình, sau đó ông cũng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng vào các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông B theo thủ tục chung.

[2] Phân tích nội A tranh chấp:

[2.1]Về quan hệ hôn nhân: Theo lời trình bày của nguyên đơn là bà A cho thấy, bà và ông B tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào ngày 13 tháng 4 năm 2021. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, Tuy nhiên, đến giữa năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau về kinh tế và không tìm được tiếng nói chung. Tại phiên tòa, bà A cho rằng bà và ông B đã cố gắng hòa giải với nhau nhiều lần nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn và bà cũng xác định không còn tình cảm với ông B. Mặc khác, tại phiên tòa mặc dù không có mặt ông B, nhưng quá trình thu thập chứng cứ ông B đã trình bày tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai nêu rõ ý kiến của mình cũng đồng ý ly hôn với bà A và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa bà A và ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, từ lâu không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; 36; 39; 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 51; 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mộng Thị Kim A về việc tranh chấp "Ly hôn".

2. Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Mộng Thị Kim A ly hôn với ông Lê Văn B.
- *Về con chung, tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Mộng Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0008029 ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THA huyện Bù Gia Mập
- UBND xã BT;
- Đương sự;

Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

VĂN PHÚ VINH